**ĐẠO VÀ ĐỜI TRONG THƠ THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG**

*T.S. Đinh Thị Thanh Mai*

*Th.S. Trần Thị Ái Nhi*

**Tóm tắt:**

*Thích nữ Diệu Không là một trong những nữ tu sĩ, nhà thơ, người phụ nữ Huế tài đức vẹn toàn tiêu biểu của thế kì XX. Cuộc đời và hạnh ngộ đến với Phật giáo của bà là những dấu mốc quan trọng trong hành trình đến với Đạo Phật. Sau khi lo trọn bổn phận của người con với cha mẹ, bà xuất gia, tu tập, hoằng dương Phật giáo. Sư bà đã vận dụng những tri thức được bẩm thụ từ nền giáo dục gia đình kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, giữa Đông và Tây để khởi dựng, phát triển mở rộng các tự viện, già lam khắp nhiều tỉnh thành trong cả nước. Thông qua các bài giảng, các sáng tác thi ca, bà đã khéo léo kêu gọi lòng yêu nước của nhân dân. Với những gì sư bà đóng góp cho đời, cho Đạo, bà xứng đáng là vị Bồ Tát giảng sinh, hội tụ đủ tài, đức để nhân dân đương thời và hậu thế sau này luôn nhớ tới bà với một lòng thành kính, mến mộ.*

**Từ khoá:** *Diệu Không, thi tập, Thiền, Đạo Phật, đường Thiền…*

**1. Thích nữ Diệu Không: cuộc đời và hạnh ngộ đến với Phật giáo**

Ni sư Diệu Không thế danh là Hồ Thị Hạnh, sinh năm 1905 trong một gia đình thuộc dòng dõi quan lại ở Thừa Thiên Huế. Ni sư có cha là Hồ Đắc Trung và mẹ là Châu Thị Ngọc Nương, người làng An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cha bà đỗ Cử nhân, làm quan thăng dần đến Đông Các Điện Đại học sĩ (東各大學士)­1, Lễ Bộ Thượng thư (禮部上書)2, Cơ Mật Viện Đại thần (機密院大神)3, Tổng tài Quốc Sử Quán (总裁国史館)4, Tế tửu Quốc Tử Giám (祭酒國子)5, tấn phong Khánh Mỹ bá (慶美伯)6, truy phong Khánh Mỹ quận công (慶美郡公)7. Dù có xuất thân quyền quý, tư chất thông minh, tinh thông Nho học, giỏi tiếng Pháp; được cha mẹ hết mực nuông chiều song ni sư Diệu Không luôn là người con có hiếu, sống giản dị, mong được xuất gia. Vì vậy, bà luôn dành nỗi ưu tư cho dân cho nước, đấu tranh chống lại bất công, đòi quyền bình đẳng, công bằng cho nữ giới.

Trước khi xuất gia năm 1932 với pháp danh Diệu Không để một lòng phụng sự Phật giáo, sâu thẳm tâm can, sư bà luôn có sự giằng xé, dai dẳng giữa Đạo và Đời: Thuận theo cha mẹ thì trái với ước nguyện mà chọn theo ý mình thì bất hiếu với cha mẹ. Nhà có 10 anh em, bà là con út trong gia đình “đại trí thức” thời đó, được cha mẹ thương yêu vô cùng cho nên phụ thân cương quyết ngăn cản bà xuất gia. Để làm tròn bổn phận, ni sư đã bằng lòng lấy ông Cao Xuân Xan – người đàn ông goá vợ, có 6 con (đứa út lên ba, đứa lớn lên mười tuổi) làm chồng sau rất nhiều lần từ chối nhiều người “môn đăng hộ đối”. Lúc ấy cũng có người cho sự chọn lựa của bà là gàn dở, đám cưới của bà vì thế mà như một đám tang. Bà đã ghi lại sự kiện trọng đại, rất đặc biệt của cuộc đời mình bằng những dòng thơ chứa chan xúc cảm:

*Đám cưới hay là một đám tang? Kẻ nói là ngu, người nói dại*

*Cả nhà, lớn, nhỏ, thảy đều than Người cho là dở, kẻ cho gan!*

*Chồng chung, bệnh hoạn tình phai lạt Biết chăng chỉ có người trong cuộc*

*Vợ kế kề vai gánh đoạn tràng Gạy mái thuyền từ phải quyết sang.*

Đám cưới mà như là đám tang. Mọi người khóc thương cho bà – người con gái đức hạnh còn bà khóc thương cho những đứa trẻ mồ côi mẹ, cha thì bệnh tật và khóc thương cho chính mình vì chưa được toàn tâm tu học Phật. Tấm lòng nhân ái bao dung của quận chúa Hồ Thị Hạnh (tức sư bà lúc trẻ) đối với những đứa trẻ côi cút ấy thật bao la, sâu nặng. Trong Hồi kí “ Đường thiền sen nở" , bà viết: “ Tôi thương các con côi như con mình... Cha chúng nó cũng không sống được lâu. Chúng sẽ khổ gấp bội nếu tôi không nuôi dạy thay cha mẹ nó? Chú, bác, cô, dì của chúng cũng đông nhưng ai nấy đều có con cái gia đình họ”8. Mười một tháng sau, ông Cao Xuân Xan qua đời. Bà gửi con út cho chị, các con chồng gửi vào trường Quốc học và Đồng Khánh. Bắt đầu từ đây, cuộc đời bà – một ái nữ tài danh, con nhà “đại trí thức”, một quận chúa cành vàng lá ngọc một lòng phụng sự Phật giáo.

**2. Thích nữ Diệu Không: Hành trạng tu tập và công lao hoằng pháp Phật giáo**

Là người có nhiều công lao trong việc xây dựng, phát triển Phật giáo, với tâm nguyện “ lăn lóc cõi Ta Bà” để hoằng dương Đạo Phật, Sư bà thật sự là một vị sư nữ tiêu biểu, tiên phong của thế kỉ XX. Với tâm nguyện:

*Nguyện đem tất cả trí thân tâm*

*Trọn một đời nay trả bốn ân.*

*Tâm tánh hiệp cùng tâm Quán Thế*

*Đỡ nâng người khổ bước phong trần.*

Tìm hiểu về hành trạng tu tập của bà, chúng ta thấy khoảng thời gian ni sư Diệu Không được “độ” học Phật là hành trình thử thách, học tập, tu dưỡng công phu. Lúc được hỏi “bà sẽ làm gì” sau khi lo tròn bổn phận với người chồng quá cố và đàn con thơ, bà bạch: “ vẫn tiếp tục con đường từ thiện, Hội nữ công…”. Hoà thượng Giác Tiên – bổn sư thọ giới cho bà sau này dạy: “ Làm việc ngọn ngành mà quên cội gốc, ví như cây lá xum xuê mà gốc cây mục nát, trước sau gì cũng sẽ thất bại”. Vì, theo Hoà thượng Giác Tiên “ Cái tâm người không lo trau dồi mà chỉ lo làm các việc, khác gì cành lá xum xuê mà gỗ mục nát sẽ đổ tất cả” hay “ trước phải lo hiểu đạo, rồi mới phải tu, mới làm nên sự nghiệp”. Lời dạy của bổn sư đã thức tỉnh bà. Từ đây, bà chỉ muốn học Kinh Phật, …mười năm sau lập xong các Chi hội Phật học bà mới nghỉ.

Lo trọn việc nhà, Bà lên ở chùa Châu Ê ( hiệu là Khải Ân tự, là chùa của chị gái bà). Tại đây, ngày ngày bà lên chùa Trúc Lâm theo học, chiều về chùa Khải Ân. Đây là khoảng thời gian quý báu, cần thiết, tâm không vọng động để bà – một quận chúa thuộc dòng dõi quyền quý với mối lương duyên sẵn có với đạo Phật xác định và vạch ra các việc sẽ làm trong hành trình liễu ngộ Phật pháp, cứu độ chúng sinh của mình. Thân tâm an lạc nơi cảnh chùa yên tĩnh, được ni sư ghi lại sống động, chân thực qua những dòng thơ dưới đây:

*Phong cảnh Châu Ê khéo lạ lùng*

*Nhìn trời, nhìn núi lại nhìn sông*

*Lên đây dưa muối phai mùi tục*

*Mõ sớm, chuông khuya sưởi ấm lòng.*

Năm 1932, ni sư thảo thơ xin thành lập Hội Phật học. Bà tham cứu, dịch thuật nhiều kinh điển (*Lăng Già Tâm Ấn*, *Thành duy thức luận*, *Du – già Sư địa luận*, *Đại trí độ luận*…), cộng tác với nhiều tờ báo, Tạp chí Phật giáo (*Viên Âm*, *Giác Ngộ*, *Từ Quan*g, *Liên Hoa*…). Bà có công lao khởi tạo, xây dựng nhiều ngôi già – lam, tự viện (tức chùa chiền, nơi ở của tăng chúng, cũng là nơi tăng chúng tu học, trụ trì, hoằng dương Phật giáo) ở cả nhiều tỉnh thành trong cả nước như: chùa Hồng Ân, Ni viện Diệu Đức, Diệu Viên, Khải Ân ở Huế; chùa Bảo Thắng, Bảo Quang ở Đà Nẵng; Tịnh Nghiêm ở Quảng Ngãi; ni viện Diệu Quang ở Nha Trang; xây dựng trường Ni ở Sa Đéc, Từ Nghiêm ở Sài Gòn… Bà còn có công trong việc xây dựng Đại học Vạn Hạnh nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. “Chỉ hai năm sau, khắp cả Trung phần đều thành lập các Hội, Tỉnh hội và Chi hội, có đủ giảng sư đi giảng kinh. Phong trào Phật giáo cũng lôi cuốn người yêu nước”9. Trong bài giảng, sư bà đặc biệt chú trọng ba mục tiêu: “Mến đạo, giúp người, Lòng liêm sỉ”. Ba mục tiêu đó thể hiện rõ chí hướng của ni sư cũng như mong muốn của bà với chúng tăng và quần chúng nhân dân. Các tăng hội Phật giáo vì thế trở thành bình phong cho cách mạng. Bà là ngọn lửa trí tuệ, đoá hoa từ bi, nguồn hạnh thanh mát, tấm gương sáng để chúng tăng, Phật tử nhân dân soi vào. Những mĩ tự này thể hiện lòng kính ngưỡng, mến mộ trí tuệ, hạnh đức của sư bà. Trong những năm đầu thế kỉ XX, công lao của bà đối với việc xây dựng, mở rộng, phát triển Phật giáo đã được ghi nhận. Hậu thế đời sau, thông qua Hồi kí, những bài viết cảm nhận về sư bà cũng như qua các sáng tác của ni sư tiếp tục khẳng định, ngợi ca ni sư Diệu Không với một lòng thành kính. Công trạng của bà lớn lao như vậy thật khó dùng ngôn từ để diễn tả. Và, ở phương diện nào, ni sư cũng là một bậc chân tu cũng ưu tú.

Những gì ni sư làm cho Đạo, cho đời là minh chứng nguyện “ ái đạo quên thân” của bà. Ni sư như vị Bồ tát giáng sinh để độ dân chúng khỏi bể khổ trần ai, cùng các chí sĩ cách mạng đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước. Thân – tâm – trí – đức của bà vẫn mãi là thứ “trầm quý” toả ngát nơi thế gian.

**3. Thích nữ Diệu Không: Nữ thi sĩ tài đức vẹn toàn**

*Khoác áo nhu hoà thiệt khoẻ không Công quả đã tròn nền Diệu Đức*

*Hiếu tình hai chữ đều trả xong Phẩm tài chi kém bạn Phương Dung*

*Thờ thân nuôi trẻ, hai triêng nặng Nêu cao đuốc tuệ cho Bồ Liễu*

*Mến đạo, thương đời, một điểm trong Như mảnh trăng tròn giữa biển Đông* Đạm Phương nữ sĩ đã viết những vần thơ ca ngợi tài trí, đức hạnh của sư bà Diệu Không. Hành trạng tu tập, đức hạnh viên mãn cùng công lao giáo dưỡng, hoằng dương Phật pháp của ni sư chính là những minh chứng sống động để người đương thời và các thế hệ sau này hết lòng cảm kích, mến mộ, biết ơn bà. Qua mỗi bài thơ, cuộc đời, chân dung sư bà/nữ thi hiện lên thật rõ nét. Ở phương diện nào (làm con, làm mẹ, làm vợ, ni sư, thi sĩ, nhà yêu nước cách mạng, nhà giáo dục, đòi quyền bình đẳng cho nữ giới … ) sư bà cũng luôn là người phụ nữ xuất sắc, tiêu biểu.

Vốn là người giỏi chữ nghĩa, uyên thâm Hán học. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, bà sáng tác thi ca bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ. Từng sự kiện trong cuộc đời ni sư được bà ghi lại chân thực, cảm xúc trong *Diệu Không thi tập.* Người đọc cảm nhận được “ hương đạo” toả ra từ mỗi trang thơ.

Năm 1964, bà có bài thơ nói về cuộc đời: “Công danh phú phú xem như mộng, Công tướng khanh hầu chẳng sá chi, Học đạo tu tâm, khai trí tuệ, Thương đời luyện tập tánh từ bi”. Suy nghĩ công danh xem như mộng, không màng phú quý vinh hoa thể hiện ni sư Diệu Không liễu ngộ Đạo Phật, giàu lòng từ bi, chuyên tâm học đạo.

Hạnh duyên với đạo Phật được ni sư nhắc tới trong bài *Mộng xuất gia tu đạo* (viết bằng chữ Hán):

*Thân thác vương giả nữ hình hài*

*Ẩn tại vương cung ngọc điện giai*

*Sứ điệp gieo cầu tu sính lễ*

*Hữu như y lễ, thị duyên hài*

Phải là người sùng mộ Phật giáo, trong giấc ngủ, quận chúa Hồ Thị Hạnh tức sư bà Diệu Không mới xuất hiện giấc mộng xuất gia. Được tu cầu học đạo là mong muốn, nguyện ước như duyên lành bẩm thụ trong bà. Giáng sinh là một quận chúa, con nhà quyền quý nhưng thân – tâm – trí của bà lại hướng về Đức Phật Như Lai. Bởi vậy, chỉ nghe tiếng chuông chùa cũng đủ khiến bà “tỉnh giấc mơ tiên”, sực tỉnh nhận ra cảnh trần gian đang trong cảnh binh lửa với niềm tin:

*Thiền môn lay động cơn binh lửa*

*Phật pháp trùng hưng ngọn đuốc thiêng*

*Tất cả tín đồ tâm đồng cảnh*

*Lo gì cổ đạo chẳng lưu truyền*

*(Tiếng chuông chùa)*

Có thể nói, nền giáo dục gia đình kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, hài hoà giữa phương Đông và phương Tây đã tạo cho bà tư chất thông minh và trí tuệ xuất chúng. Trước cảnh nước nhà bị thực dân xâm lược, tăng ni ngã xuống, tượng Phật bị xô:

*Còn đợi bao giờ mới đứng lên*

*Một lòng vị pháp chí trung kiên*

*Tăng ni ngã xuống vì yêu nước*

*Tượng Phật xô ngang trước mặt tiền*

Bà khéo léo kêu gọi đồng bào đứng lên đấu tranh giành độc lập: “Toàn dân Nam Việt người yêu nước, Còn đợi bao giờ mới đứng lên”. Chúng ta có thể cảm nhận được sự uất giận của sư bà trước “hoạ diệt nòi” của thực dân Pháp. Lúc này, không đơn thuần là một ni sư, một người thầy mở trường, xây chùa tu thiền học Phật mà bà còn là một người chiến sĩ cách mạng với tấm lòng trung kiên, mạnh mẽ, một người dân Việt Nam yêu nước thương nòi. Ngọn lửa yêu nước, mong muốn đánh đuổi kẻ thù của sư bà vì vậy bộc lộ rõ trong mỗi dòng thơ.

Cảm kích trước các vị thánh tử vì đạo, sư bà viết:

*Hỡi các linh hồn đã thác oan*

*Chờ ta Tịnh độ sẽ đưa sang*

*Trở về cứu thoát toàn dân Việt*

*Đê vỡ xưa nay được gắn hàn*

Với ni trưởng, lo cho dân cho nước chính là nhiệm vụ, mục tiêu giải thoát chúng sinh khỏi bể khổ trầm luân của sư bà. Bà từ bỏ hạnh phúc cá nhân, từ bỏ cuộc sống nhiều người mơ ước, đến cửa Phật, mặc áo già lam để cống hiến cho Đạo, cho đời được trọn vẹn. Hơn ai hết, bà là người thấu hiểu: “ Khổ mà không khổ nhờ tu niệm, … Thì nên tu niệm tránh đường mê” (*Sưởi ấm lòng người*).

Về phương diện thi ca, *Diệu Không thi tập* - đứa con tinh thần của sư bà chính là minh chứng rõ nét cho tài năng thi ca của nữ thi sĩ. Ni sư Diệu Không đã đưa vào thơ của mình những ngôi thiền tự, cảnh đẹp mà bà từng tới. Đó là những địa danh thắng cảnh, thiền tự của cố đô:

*Chơi núi Thiên Thai chẳng muốn về*

*Thảnh thơi như muốn sạch lòng mê*

(*Chơi núi Thiên Thai*)

Hay: *Thảnh thơi cùng bạn viếng chùa xưa*

*Gió thuận thuyền êm thẳng bến bờ*

*Cấp đá ba tầng rêu phủ gấm*

*Tường vôi bốn mặt lách giương cờ*

(*Giong thuyền chơi núi Tuý Vân*)

Đó là chùa Châu Ê, là chùa Tuý Vân, Trúc Lâm, Đông Thuyền. Mỗi điểm dừng chân đều mang đến cho bà xúc cảm khó quên.

*Lấp loáng gương nga bóng xế mành*

*Buồm thuyền phẳng lặng lúc đêm thanh*

*Sương sa lác đác sương khua lá,*

*Sóng bể lao xao sóng vỗ gành*

(*Ngủ tại chùa Tuý Vân*)

Không gian yên tĩnh, thơ mộng biết bao! Cảnh dù có đẹp, mê đắm lòng người nhường nào cũng chỉ thấy ni sư thả hồn vào đó trong chốc lát. Bà chiêm ngưỡng, “sinh tình” thành thơ rồi lại mau chóng trở về với thực tại: “Chày kinh gợi tỉnh kiếp phù sanh, Nhẹ mình tan mất lòng trần tục”.

Quan điểm Sắc – Không được sư bà khéo léo lồng vào trong thi phẩm “ Xem hoa”:

*Trăm hoa đua nở thật là xinh*

*Xấu đẹp hơn thua rõ tự mình*

*Vạn vật cũng không mà cũng có*

*Ai người ngắm cảnh phải cho tinh*

Một người liễu ngộ đạo Phật như sư bà nên hiểu rõ cuộc sống trần gian là cõi tạm, vạn vật là hữu mà cũng là không. Mọi thứ đều là ảo ảnh, chỉ có hương từ bi, đạo hạnh thì còn mãi. Và đó, cũng chính là ngọn đuốc trí tuệ soi đường dẫn dắt ni sư hành Đạo, giáo dưỡng, hoằng hoá Đạo Phật.

Trước sự thay đổi của đất trời như trăng lên, mưa tạnh cũng được sư bà tức cảnh thành thơ:

*Trăng chiếu đầu non bóng xế tà*

*Trên chùa chuông dội tiếng ngân nga*

*Đêm trường cảnh tỉnh người mê mộng*

*Tịnh độ là đây há phải xa*

(*Tức cảnh*)

Khi tức cảnh, thả hồn vào thiên nhiên, mê say vẻ đẹp của tạo hoá, vị thiền vẫn là dư vị chủ đạo chi phối cảm xúc của bà:

*Trăng soi lồng lộng giữa tầng không*

*Bình đẳng soi cùng vạn nẻo không*

*Tự tánh có hư thì có thật*

*Tịch nhiên thường chiếu khắp Tây Đông*

(*Vịnh trăng*)

Vì vậy, cảnh sắc hiện lên trong thơ bà luôn thanh tịnh, ẩn vào đó là lòng yêu nước kín đáo, như thúc giục quần chúng đứng lên đấu tranh đòi quyền bình đẳng.

Sư bà đem tâm nhân ái, hạnh từ bi khuyên mọi người phát tâm tu tập:

*Vượt biển trèo non chớ ngại xa*

*Tìm sao cho thấy đức Di Đà*

*Về bên Tịnh độ thường an lạc*

*Trăm khó ngàn khăn cũng cố qua*

(*Khuyến tu*)

Và: “ Thờ Phật có lắm điều hay. Điều rủi thì ít sự may thì nhiều, Trong nhà ma quỷ đều tiêu, Người người hoà thuận mọi điều an vui” (*Khuyên người hướng Phật*). Do vậy, bà liễu ngộ sự nhiệm màu mà đạo Phật mang lại:

*Giáo lý từ bi quá nhiệm màu*

*Càng tìm càng hiểu lại càng sâu*

*Ba thiên thế giới nơi đương niệm,*

*Tám vạn kinh văn chỉ một câu*

(*Học đạo*)

Người học đạo muốn đắc thì phải nhẫn. Nhẫn là một trong những đức tính mà bất cứ ai cũng cần tu học. Đặc biệt với người tu hành thì:

*Nhẫn nhục bao trùm các hạnh tu Nhẫn cảnh nghịch duyên, duyên phổ hoá,*

*Nhẫn về lục độ nhẫn không ngu, Nhẫn như pháp tánh, tánh thêm nhu.*

*Nhẫn tâm khởi diệt, tâm thêm sáng, Nhẫn thành giải thoát, thành vô ngã*

*Nhẫn trí vô sanh, trí chẳng ngu. Nhẫn độ quần sanh khỏi ngục tù.*

(*Nhẫn nhục*)

Đối với bạn hữu, tăng ni, sư bà cũng luôn dành cho họ một tình cảm sâu sắc, chân thành. Tình cảm của bà được gửi vào giọt nước mắt biệt ly trước sự viên tịch của sư thầy: “Đau lòng con lắm hỡi thầy ơi… Vẫn biết tử sanh là mộng huyễn” (*Khóc thầy*), hoặc qua bài thơ *Viếng thầy Mật Khế*:

*Thầy Khế ơi! Thầy Khế ơi!*

*Thầy đi thầy chẳng nhớ gì ai*

Đặc biệt, trước hành động dũng cảm “tự thiêu” để chống lại thực dân xâm lược của Hoà Thượng Thích Quảng Đức, sư bà đã cảm phục và đau đớn thốt lên:

*Thầy ơi! Con biết tính sao đây? Tiêu diêu cõi Tịnh, thầy theo Phật*

*Lễ kính, lòng đau trước Thánh thây. Lận đận trần lao con nhớ thầy*

*Lửa dậy lưng trời, thân chẳng động, Ngọn đuốc Đông phương đà rực sáng*

*Dầu loang khắp đất, ý không lay. Bao người con Phật dõi theo Thầy*.

Bà cũng dành tình cảm cho Phật tử, luôn nhắc mọi người cùng tu tâm dưỡng tánh:

*Vườn Bát nhã hoa thơm cỏ lạ*

*Khách nhàn du hương toả không gian*

*Hỏi ai ưa việc bạo tàn*

*Về đây vườn cũ an nhàn trí tâm*

(*Khuyến tu*)

Thật khó nói hết về tài trí, đức hạnh của sư bà bằng ngôn ngữ. Cuộc đời, hành trạng, công lao và sáng tác của ni sư Diệu Không là “đoá hoa” bất tử minh chứng rõ nét về sự tận tâm, tận lực, liễu ngộ Đạo Phật của sư bà. Hậu thế nhớ đến bà là nhớ ngay tới một phụ nữ/ ni trưởng/nữ sĩ Diệu Không tài đức vẹn toàn, tiêu biểu của thế kỉ XX. Với một lòng ngưỡng mộ, thành kính, xin được dâng lên hương hồn của sư bà nén “tâm hương”, nguyện cho những việc được sư bà khởi tạo cho đời, cho Đạo sẽ mãi mãi lan toả, dẫn dắt chúng sanh đến với duyên lành, an lạc.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (biên soạn) (2022), *Đường thiền sen nở*, Nxb Lao Động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.

2. Nguyễn Khắc Phê (1012), *Tài danh và số phận*, Nxb Công an Nhân dân.

Nguyễn Đắc Xuân (2012), Từ Phú Xuân đến Huế (tự truyện-tập 2), NXB.Trẻ, TP. HCM.

3. Tịch Thiên (Shantideva) (1999), Nhập Bồ-tát hạnh (Thích Nữ Trí Hải dịch), NXB.Tổng hợp TP.HCM.

4. Cao Huy Thuần (2006), *Nắng và Hoa*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.

5. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Ái Hội dư hương*. NXB Thuận Hoá.

6. Nguyễn Đắc Xuân (2012), Từ Phú Xuân đến Huế (tự truyện-tập 2). TPHCM, NXB.Trẻ.

**Web:**

<https://chuaxaloi.vn/thong-tin/ni-truong-thich-nu-dieu-khong/3009.html>

<https://nigioivietnam.vn/hanh-trang-ni-truong-thich-nu-dieu-khong/>

<https://giacngo.vn/su-ba-dieu-khong-bac-tu-hanh-tai-duc-post41157.html>

<http://www.lieuquanhue.vn/thien-mon-xu-hue/danh-tang-ni-nhan-si/3777->

* **Chú thích:**

**[1].** Đông các Đại học sĩ là một trong Tứ trụ Triều đình, bốn vị quan lớn có nhiệm vụ bàn bạc với vua những chuyện quan trọng trong việc giữ gìn cơ sở đất nước. Đông các Đại học sĩ có nhiệm vụ lập dựng các văn thư quan trọng, coi sóc việc tuyển chọn nhân sự của triều đình.

**[2].** Lễ bộ thượng thư là quan đứng đầu bộ Lễ

**[3].** Viện Cơ Mật là cơ quan tư vấn của nhà vua gồm bốn vị đại thần từ Tam Phẩm trở lên, là Đại Học Sĩ của các điện Đông Các, Văn Minh, Võ Hiển và Cần Chánh

**[4].** Tổng tài quốc sử quán là cơ quan biên soạn lịch sử chính thức duy nhất ở nước ta thời nhà Nguyễn từ 1821 - 1945

**[5].** Tế tửu Quốc tử giám là đứng đầu trường Quốc tử giám

**[6].** Khánh Mỹ Bá tấn phong cho Hồ Đắc Trung

**[7].** Khánh Mỹ quận công là hàng nhất phẩm, chỉ địa vị cao quý

**[**8]. *Đường thiền sen nở*, Nhà xuất bản Lao Động, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, trang 74.